

# Quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt\*

\*Trường Tiểu học Sơn Hóa, Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình

Received: 15/6/2023; Accepted: 21/6/2023; Published: 26/6/2023

**Abstract:** Currently, the economic development has caused serious environmental pollution. Therefore, environmental protection education is one of the necessary tasks of the education sector. The article clarifies the current situation of environmental protection education management for students in primary schools in Tuyen Hoa district. Accordingly, it evaluates, clarifies the causes and propose measures to improve the effectiveness of environmental protection education management.

**Keywords:** Environmental protection education, management, students, Tuyen Hoa.

## 1. Mở đầu

Ở Việt Nam, trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018, nhấn mạnh yêu cầu học sinh (HS) phải có trách nhiệm với môi trường sống “có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi; không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên” (Bộ GD&ĐT, 2018, tr.42- 43). Đây là một phần quan trọng trong việc giáo dục HS trở thành công dân có trách nhiệm và nhân cách, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống. Quán triệt quan điểm, phòng Giáo dục huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã nghiên túc thực hiện các văn bản của Bộ giáo dục và Đào tạo. Từ đó, chỉ đạo các trường học trên địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục BVMT và triển khai tới tất cả cán bộ, giáo viên (GV), HS.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mẫu khảo sát

Số liệu được thu nhập thông qua việc khảo sát 13 hiệu trưởng, 20 hiệu phó, 30 tổ trưởng chuyên môn, 177 GV, nhân viên và 300 HS. Thời gian khảo sát: Từ tháng 1/2023 đến tháng 5/2023.

### 2.2. Phương pháp khảo sát và xử lý số liệu

Điểm trung bình các nội dung khảo sát được chia ra 4 mức độ, số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS và MS Excel.

- + Từ 1,0 điểm đến 1,75 điểm: Kém
- + Từ 1,76 đến 2,50: Trung bình
- + Từ 2,51 đến 3,25: Khá
- + Từ 3,26 đến 4: Tốt

### 2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Kết quả về thực trạng quản lý mục tiêu, nội dung giáo dục BVMT cho HS

Kết quả khảo sát cho thấy, đánh giá hoạt động quản lý ở ba mức độ trung bình, khá, tốt. Tuy nhiên, có sự không đồng nhất giữa 2 nhóm đối tượng CBQL và GV:

- Tiêu chí xác định mục tiêu giáo dục BVMT được CBQL thống nhất đánh giá tiêu chí này ở mức độ tốt, điểm trung bình (ĐTB) là 3.5 và độ lệch chuẩn (ĐLC) là 0.56. GV đánh giá tiêu chí này ở mức độ khá, với ĐB là 2.69 và ĐLC là 0.94.

- Về nội dung giáo dục BVMT và phổ biến đến GV được CBQL đánh giá mức độ hiệu quả khá, ĐTB 3.09, ĐLC 0.83, nhóm đối tượng khảo sát là GV thống nhất cao ở mức đánh giá tốt trong thang điểm đánh giá ĐTB 3.59. ĐLC 0.58.

- Tiêu chí chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục BVMT được CBQL đánh giá hiệu quả ở mức độ trung bình, ĐTB 2.29, ĐLC 1.14. GV lại đánh giá tiêu chí này ở mức độ hiệu quả tốt, ĐTB 3.38, ĐLC 0.79.

- Tiêu chí chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục BVMT, ĐTB lần lượt là 3.09 và 2.74, ĐLC lần lượt là 0.9 và 1.09 cho thấy cả CBQL và GV đều đánh giá cao hiệu quả của hoạt động chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục BVMT.

- Tiêu chí điều chỉnh nội dung giáo dục BVMT kịp thời phù hợp với những biến cố từ môi trường. CBQL đánh giá hoạt động này chỉ đạt mức độ trung bình, ĐTB 2.15, ĐLC 0.7. GV đánh giá cao hiệu quả của nội dung quản lý với ĐTB 3.5, ĐLC 0.62, đạt mức độ tốt trong thang điểm đánh giá.

- Dựa trên những phân tích trên, thực trạng quản lý mục tiêu, nội dung giáo dục BVMT đạt được một các số kết quả tích cực nhất định. Tuy nhiên, không đồng nhất trong cách đánh giá về một số tiêu chí

quan trọng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc tổ chức giáo dục BVMT cho HS.

2.3.2. *Kết quả về thực trạng quản lý phương pháp, hình thức giáo dục BVMT cho HS*

Bảng 2.1. *Thực trạng quản lý phương pháp, hình thức giáo dục BVMT cho HS*

TT	Quản lý phương pháp, hình thức	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Chỉ đạo tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học các môn học	3.35	0.54	2	3.38	0.71	2
2	Chỉ đạo tổ chức hoạt động trải nghiệm với chuyên	3.15	0.70	4	3.32	0.77	4
3	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BVMT	2.62	1.05	7	3.46	0.61	1
4	Khuyến khích GV lồng ghép giáo dục BVMT trong hoạt động	3.21	0.73	6	3.37	0.67	3
5	Khuyến khích GV hình thành thói quen cho học sinh	3.29	0.68	3	2.41	0.78	7
6	Tạo điều kiện để GV tổ chức hoạt động tham quan, dã ngoại	2.97	0.94	5	3.08	0.89	5
7	Phối hợp với gia đình, cộng đồng tổ chức cho HS	2.56	0.82	8	2.87	0.80	6

Theo bảng 2.1, các trường TH đã quan tâm đến việc quản lý phương pháp, hình thức giáo dục BVMT ở trường TH. Đánh giá chung của CBQL và GV về mức độ hiệu quả của hoạt động quản lý này đa số đạt mức khá, tốt. Tuy nhiên vẫn còn 01 tiêu chí đạt mức điểm trung bình trong thang điểm đánh giá. Cụ thể:

- Tiêu chí “Chỉ đạo tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học các môn học” và “Chỉ đạo GV sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hợp tác, phù hợp với đặc trưng của GDBVMT” được cả CBQL và GV đánh giá hiệu quả loại tốt. CBQL đánh giá ĐTB lần lượt là 3.35 và 3.38, ĐLC lần lượt là 0.54 và 0.70, đứng thứ hạng 2 và 1. GV đánh giá ĐTB lần lượt là 3.38 và 3.37, ĐLC lần lượt là 0.71 và 0.68, xếp thứ hạng 2 và 3 trong các tiêu chí đánh giá.

- Tiêu chí “Chỉ đạo tổ chức hoạt động trải nghiệm với chuyên đề giáo dục BVMT cho HS” và “Khuyến khích GV lồng ghép giáo dục BVMT trong hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ của trường” được GV đánh giá hiệu quả tốt. ĐTB lần lượt là 3.32 và 3.37, ĐLC lần lượt là 0.77 và 0.67, đứng thứ hạng 4 và 3 trong các tiêu chí đánh giá. Nhóm CBQL đánh giá hai tiêu chí này đạt mức độ khá và tốt. ĐTB lần

lượt là 3.15 và 3.29, ĐLC lần lượt là 0.7 và 0.73, xếp thứ hạng 5 và 3 trong các tiêu chí đánh giá.

Từ những phân tích trên, có thể thấy CBQL đã thực hiện công tác quản lý phương pháp, hình thức giáo dục BVMT ở trường TH trên địa bàn góp phần đem lại hiệu quả hoạt động giáo dục BVMT. Tuy nhiên, vẫn còn tiêu chí bị đánh giá ở mức độ hiệu quả trung bình.

2.3.3. *Kết quả về thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục BVMT*

Kết quả khảo sát cho thấy, cả CBQL và GV đều đánh giá ở mức độ khá và tốt. Không có ý kiến đánh giá ở mức độ yếu và trung bình. Cụ thể:

- Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục BVMT: CBQL xếp hạng thứ 3 với ĐTB 3.21 và ĐLC 0.73. GV xếp hạng thứ 5 với ĐTB 2.90 và ĐLC 0.68.

- Kiểm tra định kỳ và thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giáo dục BVMT: CBQL đánh giá cao nhất, xếp hạng thứ nhất với ĐTB 3.41 và ĐLC 0.61. GV đánh giá ở mức độ khá, xếp hạng thứ 4 với ĐTB 3.0 và ĐLC 0.71.

- Dự giờ, góp ý giờ dạy học tích hợp giáo dục BVMT: Cả CBQL và GV đánh giá cao hiệu quả của công tác này. CBQL có ĐTB 3.24 và ĐLC 0.82, GV có ĐTB 3.09 và ĐLC 0.67.

- Kiểm tra việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm có chủ đề giáo dục BVMT: CBQL xếp hạng thứ 5, GV xếp hạng thứ 3. Cả hai đánh giá ở mức độ khá với CBQL có ĐTB 3.15 và ĐLC 0.86, GV có ĐTB 3.08 và ĐLC 0.71.

- Lấy ý kiến phản hồi từ GV, phụ huynh, HS về các hoạt động giáo dục BVMT: CBQL xếp hạng thứ 6, GV xếp hạng thứ 1. Cả hai nhóm đánh giá có sự phân tán ý kiến, CBQL có ĐTB 3.03 và ĐLC 0.8, GV có ĐTB 3.22 và ĐLC 0.71.

- Thực hiện đánh giá và tổng kết hoạt động giáo dục BVMT hàng năm: CBQL xếp hạng thứ 2 với ĐTB 2.24 và ĐLC 0.68, GV xếp hạng cuối cùng (thứ 7) với ĐTB 2.08 và ĐLC 0.76.

- Khen thưởng cá nhân, đơn vị thực hiện tốt hoạt động giáo dục BVMT cho HS đứng thứ hạng 4, ĐTB 3.12, ĐLC 0.64 đối với nhóm CBQL, đứng thứ hạng 6, ĐTB 2.83, ĐLC 0.79 đối với nhóm GV.

Như vậy, nhìn chung CBQL và GV đều đánh giá hiệu quả quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục BVMT đạt ở mức độ khá. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt về ý kiến đánh giá tính hiệu quả của từng tiêu chí.

#### 2.4. Đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường

*Thứ nhất*, luôn có sự quan tâm chỉ đạo các hoạt động GDBVMT phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình và phù hợp với biến cố môi trường địa phương.

*Thứ hai*, các trường luôn chú trọng trong việc quản lý phương pháp, hình thức giáo dục BVMT.

*Thứ ba*, các trường luôn chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục BVMT đã giúp đảm bảo chất lượng công tác giáo dục BVMT và tạo điều kiện để cải thiện và phát triển.

*Mặc dù hoạt động quản lý giáo dục BVMT có nhiều ưu điểm, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế đó là: các tiêu chí đánh giá có sự khác biệt ý kiến trong đánh giá giữa CNQL và GV. Điều này có thể gây khó khăn trong việc triển khai hoạt động GDBVMT cho HS. Do những nguyên nhân sau:*

Thiếu sự quan tâm và tầm nhìn của lãnh đạo trường, một số trường chưa có định hướng rõ ràng và quan tâm đến hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường.

Thiếu nguồn lực, đặc biệt là về kinh phí và thời gian ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục BVMT không được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

Thiếu sự đồng tình và hỗ trợ từ phía gia đình và cộng đồng nên sẽ gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

#### 2.5. Biện pháp quản lý giáo dục BVMT ở các trường TH huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức của CBQL, GV về vai trò, ý nghĩa của hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh TH (HSTH).

Khi có nhận thức đầy đủ và hiểu rõ vai trò của mình, CBQL và GV sẽ có thái độ chuyên nghiệp, cách làm việc khoa học, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và đảm bảo tính khả thi, từ đó giúp tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH.

*Thứ hai*, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH.

CBQL cung cấp các thông tin, chính sách, văn bản của Đảng Nhà nước, Bộ giáo dục Đào tạo, Phòng giáo dục của huyện Tuyên Hóa đến GV. Trên cơ sở đó chỉ đạo của CBQL về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy bảo vệ môi trường về xây dựng chương trình học bảo vệ môi trường phù hợp với độ tuổi và trình độ học vấn của HS.

*Thứ ba*, chỉ đạo đổi mới công tác lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH

Chỉ đạo đổi mới công tác lập kế hoạch và kiểm

tra, đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH nhằm đảm bảo quá trình giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH được triển khai hiệu quả và đạt được các mục tiêu dạy học. Từ đó đưa ra các biện pháp, đề xuất để nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong tương lai.

*Thứ tư*, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng năng lực của GV TH trong giáo dục bảo vệ môi trường cho HS

CBQL các trường trên địa bàn huyện Tuyên Hóa cần đánh giá năng lực của GV và đánh giá hiệu quả công tác bồi dưỡng. Từ đó, bổ sung thêm những khóa bồi dưỡng còn thiếu để phát huy năng lực của GV trong giáo dục bảo vệ môi trường cho HS.

*Thứ năm*, nâng cao hiệu quả sự phối hợp các lực lượng giáo dục bảo vệ môi trường ở trong và ngoài nhà trường

Nâng cao hiệu quả sự phối hợp các lực lượng giáo dục bảo vệ môi trường ở trong và ngoài nhà trường nhằm đạt được mục đích chung là cải thiện môi trường sống, tăng cường nhận thức và ý thức của cộng đồng về vấn đề môi trường, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục và hình thành những hành vi bảo vệ môi trường cho HS.

*Thứ sáu*, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho HSTH nhằm giúp cho HSTH có môi trường học tập và sinh hoạt tốt hơn, đồng thời nâng cao nhận thức của HS về vấn đề bảo vệ môi trường.

### 3. Kết luận

Trong những năm qua, công tác quản lý giáo dục BVMT luôn được CBQL ở các trường quan tâm, chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc và mang lại những hiệu quả. Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn nhiều khác biệt giữa CBQL và GV trong thực hiện. Điều này đã tạo nên sự không thống nhất khi triển khai công tác giáo dục BVMT. Vì vậy, cần phải thực hiện các biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục bảo vệ môi trường.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Hà Nội.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Báo cáo kinh nghiệm quốc tế trong quản lý môi trường*, tr. 19, tr. 33, Hà Nội.

3. Lê Huy Bá (2000), *Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.